

ẢNH HƯỞNG CỦA CHỮ NÔM ĐỐI VỚI CHỮ CHOANG CỔ*

Influences of Nom script on ancient Choang script

Vi Thụ Quan

Người dịch: Vũ Văn Ngân**

TÓM TẮT

Trong chữ Choang cổ có một số lượng chữ chịu ảnh hưởng về mặt tự dạng, âm đọc, ý nghĩa và phương diện ký hiệu tạo chữ từ chữ Nôm Việt Nam, những ảnh hưởng này thông qua môi trường trung gian từ chữ Tày cổ, Nùng cổ của Việt Nam để hình thành.

Từ khóa: Ảnh hưởng, chữ Nôm, chữ Choang Cổ, chữ Tày cổ, chữ Nùng cổ

ABSTRACT

In ancient Choang script, there is a number of scripts, that were influenced in terms of autography, phonetic, meaning and aspect of symbol, were created from Vietnamese Nom scripts. These influences were transacted through intermediary environment from ancient Tay and ancient Nung scripts of Vietnam to form.

Keyword: Influences, Nom script, Choang script, Tay scripts, Nung scripts

Đôi lời của dịch giả

Từ trước tới nay chúng ta mới chỉ được biết, chữ Nôm Việt Nam mô phỏng, vay mượn kiểu cấu tạo, vay mượn bộ phận hay toàn bộ hình thể chữ Hán để ghi chép hệ thống âm Tiếng Việt. Có một thực tế cho thấy, trong quá trình giao lưu tiếp xúc giữa một số dân tộc hai nước Việt - Trung, chữ Nôm Việt Nam đã có tác động và ảnh hưởng trở lại đối với chữ Choang cổ của Trung Quốc. Hiện tượng này đã được học giả Trung Quốc Vi Thụ Quan nghiên cứu, tìm hiểu và đăng tải trên Tạp chí Ngữ Văn Dân tộc, số 1 năm 2011 với nhan đề “Ảnh hưởng của chữ Nôm đối với chữ Choang cổ”. Nhận thấy bài viết có những phát hiện tương đối đặc biệt và mới mẻ, có giá trị khoa học cao và ý nghĩa quan trọng đối với loại hình văn tự truyền thống của Việt Nam, chúng tôi xin chuyển dịch, giới thiệu toàn văn bài viết tới độc giả.

From the past to now, we only know Vietnamese Nom script which are reproduced and borrowed as constructed aspect, borrowing in parts or whole conformation of Han script to write phonetic system of Vietnamese language. The reality shows that, during communicating and exchanging process of some minority groups between Vietnam and China, Vietnamese Nom script has influenced back ancient Choang script of China. This phenomenon was researched by a Chinese scholar Vi Thu Quan, and this also was published on the Magazine of National Philology, Vol 1, 2011 with the title “Influences of Nom script on ancient Choang script”. Realizing this paper has special and new discovery and has high scientific values and

* Tài liệu được dùng trong bài viết, ngoài *Tự điển chữ Choang cổ*, chúng tôi còn sử dụng sách *Choang cổ vùng Kim Long, Long Châu, Quảng Tây* do cụ Nông Thụy Quần cung cấp, nhân đây xin chân thành cảm ơn.

** Trường Đại học Tân Trào

important impacts on traditional script of Vietnam, we are translating and introducing a whole this article to readers.

Chữ Choang cổ là văn tự truyền thống của dân tộc Choang, còn gọi chữ Choang vuông, là loại hình văn tự Hán (chỉ chung các văn tự khối vuông vay mượn từ chữ Hán như: chữ Nôm Việt Nam, chữ Hiragana Nhật Bản, chữ Choang cổ của dân tộc Choang, Trung Quốc... - người dịch (ND) hình thành, phát triển trên cơ sở của chữ Hán. Mở quyển “*Tự điển chữ Choang cổ*” (do Nhà xuất bản Dân tộc Quảng Tây xuất bản năm 1989), chúng ta sẽ phát hiện một vài hiện tượng hết sức thú vị: có những chữ Choang cổ dùng để ghi chép từ ngữ nhưng lại rất hiếm gặp trong tiếng Choang, như “𠵹” (của: “của cải”), “𠵹”, (lạ: “vái lạ”)...; có chữ Hình thanh (là 1 trong 6 cách tạo và cách dùng của chữ Hán, gồm Tượng hình, Chỉ sự, Hội ý, Giả tá, Hình thanh và Chuyển chú. Chữ thuộc cấu tạo Hình thanh có 2 bộ phận, gồm hình phù (ký hiệu biểu âm) và thanh phù (ký hiệu biểu ý) - ND, nghĩa của hình phù với nghĩa biểu đạt trong cấu tạo chữ đó hoàn toàn không có liên quan với nhau, như chữ “鬣”, hình phù là 影, nhưng nghĩa biểu đạt của chữ Choang này là “gỗ, đánh”, so với nghĩa hình phù “tóc” (影) không có liên quan với nhau; có chữ Hình thanh, âm đọc của thanh phù với âm đọc của chữ đó khác biệt hoàn toàn, như chữ 𠵹, thanh phù là 須 (thaw¹), âm đọc lại là tu¹; có chữ mượn nguyên hình thể chữ Hán, nhưng âm đọc với âm mượn Hán của tiếng Choang hoàn toàn khác nhau, như chữ “失” đọc là thit⁷ mà âm đọc mượn Hán của từ này là thət⁷; Ngoài ra còn có các ký hiệu tạo chữ như “ ‘ ’ ”, “乙” và “ ㄥ ” ... thường xuất hiện trong chữ phương ngữ. Những hiện tượng này, nếu chúng ta chỉ tìm nguyên nhân trong chữ Choang cổ sẽ khó có được sự lý giải hợp lý.

Những hiện tượng trên đây trong chữ Choang cổ được đặt trong toàn cảnh loại văn tự Hán, có thể sẽ có được cái nhìn cởi mở và thông thoáng hơn. Khi đem so sánh, chúng tôi phát hiện những hiện tượng này trong chữ Choang cổ là kết quả của việc mượn dùng chữ Nôm hoặc mượn ký hiệu tạo chữ của chữ Nôm.

I. Các hiện tượng ảnh hưởng của chữ Nôm đối với chữ Choang cổ

1. Chữ Choang cổ mượn dùng trực tiếp chữ Nôm

1.1. Mượn toàn bộ tự dạng, âm đọc, ý nghĩa. Ví dụ: cách thức “chữ Choang cổ < chữ Nôm”, như trên): 𠵹 (ku⁶: “của cải”) < 𠵹 (của: “của cải”); 𠵹 (lai⁴: “vái”) < 𠵹 (lai⁶: “vái”); 𠵹 (kha:i³: “con gái”) < 𠵹 (xa:i⁵: “nữ giới”); 𠵹 (te:ŋ⁴: “câu”) < 𠵹 (tiếng: “âm thanh”).

Trong chữ Nôm, 4 chữ này đều là chữ Hình thanh. Hình phù chữ “𠵹” “𠵹” biểu thị nghĩa chữ có liên quan đến “của cải”; thanh phù “古” biểu thị âm đọc gần giống với âm Hán Việt chữ 古 “cổ”. Hình phù chữ “𠵹” là “拜” biểu thị nghĩa chữ “vái lạ”; thanh phù “礼”, biểu thị âm đọc của chữ gần giống với âm Hán Việt chữ “礼” lễ. Hình phù chữ “𠵹” là “女”, biểu thị nghĩa chữ có liên quan đến “giới tính nữ”; thanh phù “𠵹” biểu thị âm đọc của chữ gần giống với âm Hán Việt chữ 𠵹 “cái”. Hình phù chữ “𠵹” là “口” biểu thị nghĩa chữ có liên quan đến “ngôn ngữ”; thanh phù “省” biểu thị âm đọc của chữ gần giống với âm Hán Việt chữ 省 “tỉnh”. Chữ Choang cổ đã mượn toàn bộ hình thể, âm đọc, ý nghĩa của 4 chữ Nôm này.

1.2. Mượn hình, mượn âm không mượn nghĩa. Ví dụ: 琨 (ko:n⁵ “trước, phía trước”) < 昆 (con: “con cái”); 鬢 (to:k⁷ “gõ, đánh”) < 鬢 (“tóc”); 簪 (le:n²: “com trưa”) < 簪 (lành: “tốt lành”); 策 (no:n²: “ngủ”) < 策 (non: “núi non”; 耄 (te:n¹: “tiên nhân”) < 耄 (tên: “tên gọi”); 𠃉 (la:m² “cái giỏ”) < 𠃉 (làm: “làm việc”).

Trong chữ Nôm, những chữ “琨”, “鬢”, “簪”, “策”, “耄” đều thuộc cấu tạo Hình thanh, riêng chữ “𠃉” mượn từ chữ Hán. Hình phù chữ “琨” là “子” biểu thị nghĩa “con”; thanh phù “昆” biểu thị âm đọc của chữ gần giống âm Hán Việt chữ 昆 “côn”; hình phù chữ “鬢” là “影” biểu thị ý nghĩa chữ có liên quan đến “tóc”; thanh phù “速” biểu thị âm đọc gần giống với âm Hán Việt chữ 速 “tốc”. Hình phù chữ “簪” là “善” biểu thị nghĩa của chữ “lành, tốt lành”; thanh phù “令”, biểu thị âm đọc của chữ gần giống với âm Hán Việt chữ 令 “lệnh”. Hình phù chữ “策” là “山” biểu thị nghĩa chữ “núi”; thanh phù “束” (viết bớt nét từ chữ “嫩”) biểu thị âm đọc gần giống với âm Hán Việt chữ 嫩 “nộn”. Hình phù chữ “耄” là “名”, biểu thị nghĩa chữ “tên, tên gọi”, thanh phù “先” biểu thị âm đọc của chữ gần giống với âm Hán Việt chữ 先 “tiên”. Chữ “𠃉” viết tắt từ “爲” của chữ Hán, tiếng Việt dịch thành “做”, âm đọc “làm”, chữ Nôm mượn “爲” từ chữ Hán để ghi chép, về sau viết tắt “爲” thành “𠃉”. Chữ Choang cổ lại mượn 6 chữ này của chữ Nôm, đều là loại chữ mượn hình, mượn âm, không mượn nghĩa.

1.3. Mượn hình, mượn nghĩa, không mượn âm. Ví dụ: 焯 (hon²: “khói lửa”) < 焯 (khói: “khói lửa”).

Trong chữ Nôm, chữ “焯” thuộc cấu tạo Hình thanh. “焯” viết bớt nét từ chữ 焯, trong đó hình phù “火” biểu thị nghĩa chữ có liên quan đến “lửa”, thanh phù “塊” biểu thị âm đọc của chữ gần giống với âm Hán Việt chữ “塊” khói (<khói). Chữ Choang cổ mượn dùng hai chữ này về hình thể, ý nghĩa, không mượn âm đọc.

2. Chữ Choang cổ mượn dùng chữ Hán hoặc bộ thủ chữ Hán, âm đọc dựa theo âm Hán Việt hoặc bộ thủ chữ Hán.

2.1. Mượn dùng chữ Hán, âm đọc dựa theo âm Hán Việt hoặc gần giống với âm Hán Việt.

Ví dụ:

Tự dạng	Âm đọc	Nghĩa chữ	Âm Hán Việt	Âm chữ Hán tiếng Choang
傘	ta:n ³	đá (bóng)	Tản	θa:n ³
算	ta:n ¹	cắt (xén)	Toán	θun: ⁵
續	thu:k ⁸	đồ mức rượu	Tục	θuk ⁸
圣	the:n ³	đánh, đâm	Thánh	θiŋ ⁵
失	thit ⁷	xói, gội, đổ vào	Thất	θat ⁷
𠃉	tho ²	Chỉ, riêng	Thọ	θou ⁶

Các chữ “傘”, “算”, “寿” trong bảng trên là cách viết khác của “傘”, “算”, “寿”. Tâm mẫu (Tâm mẫu [s], Tà mẫu [z], Thư mẫu [c], Thiên mẫu [z]... là các phụ âm trong tiếng Hán cổ - ND) tiếng Hán cổ trong âm Hán Việt đọc là t, cho nên “傘” (傘), “算” (算), “寿” (寿) trong chữ Choang cổ đọc thành phụ âm t, giống với cách đọc của âm Hán Việt; Tà mẫu tiếng Hán cổ trong âm Hán Việt đọc là t, cho nên “續” trong chữ Choang cổ đọc thành phụ âm th, gần giống với cách đọc âm Hán Việt; Thư mẫu tiếng Hán cổ trong âm Hán Việt đọc là th, các chữ “圣”, “失” trong chữ Choang cổ đọc thành phụ âm th, gần giống với cách đọc âm Hán Việt; Thiên mẫu tiếng Hán cổ trong âm Hán Việt đọc là th, chữ “寿” (寿) trong chữ Choang cổ đọc thành phụ âm th, giống với âm đọc Hán Việt.

2.2. Thanh phù chữ Choang cổ mượn bộ thủ chữ Hán, âm đọc dựa theo âm Hán Việt hoặc đọc giống với âm Hán Việt của bộ thủ. Ví dụ:

Tự dạng	Âm đọc	Nghĩa chữ	Thanh phù	Âm Hán Việt	Âm chữ Hán tiếng Choang
闕	tu ¹	cửa	须	Tu	θaw ¹
圪	tum ¹	bùn, đất	心	Tâm	θim ¹
筭	thu ³	đũa	首	Thủ	θou ³
朕	The:t ⁸	(nội) tạng	失	Thất	θat ⁷
紮	ka ³	giết	个	Cá	ko ⁵
俄	ηa ⁶	gièm pha	我	Ngã	ηo ⁴

Tâm mẫu tiếng Hán cổ trong âm Hán Việt đọc là t, thanh phù các chữ “闕”, “圪” trong chữ Choang cổ đọc thành phụ âm t, giống với cách đọc âm Hán Việt; Thư mẫu tiếng Hán cổ trong âm Hán Việt đọc là th, thanh phù các chữ “筭” “朕” trong chữ Choang cổ đọc thành phụ âm th, giống với cách đọc âm Hán Việt; nguyên âm chính mở miệng của tiếng Hán cổ trong âm Hán Việt đọc là a, thanh phù các chữ “紮”, “俄” trong chữ Choang cổ cũng đọc thành vần a, giống với cách đọc của âm Hán Việt.

3. Chữ Choang cổ mượn ký hiệu tạo chữ của chữ Nôm

Trong chữ Nôm thường xuất hiện 3 ký hiệu tạo chữ “ ‘ ’ ”, “乙” và “ㄣ”, những ký hiệu này cũng có thể tìm thấy ở chữ Choang cổ.

3.1. Ký hiệu “ ‘ ’ ”. Trong chữ Nôm, ký hiệu “ ‘ ’ ” đặt ở hai bên một chữ gốc Hán hoặc chữ Nôm, chủ yếu có 2 tác dụng: (1) biểu thị tình lược nét bút. Ví dụ: “米” (về: “về” nhà), là tình lược của chữ “術”. (2) Nhấn mạnh cần chú âm đọc. Ví dụ: chữ “固” (có: “có”), ký hiệu “ ‘ ’ ” nhắc nhở người đọc phải đọc chệch sang âm khác, gần giống với âm Hán Việt của chữ “固” (cố).

Chịu ảnh hưởng của chữ Nôm, một bộ phận chữ Choang cổ cũng dùng ký hiệu “ ‘ ’ ” để tạo chữ. Ví dụ: Tình lược nét bút: “員” (fe:n⁶: hình “tròn”), vốn tình lược của chữ “圓”; “樂” (la:k⁸: “mát tích”) tình lược của “樂”. Nhấn mạnh chú ý âm đọc: “古” (ko³: “cầm, nắm, giữ”), ký hiệu “ ‘ ’ ” biểu thị âm đọc của chữ giống với âm Hán Việt chữ “古” (cổ); “晝” (pho²: một “đồng”), ký

hiệu “ ‘ ” nhấn mạnh âm đọc của chữ gần giống với âm Nôm chữ “霏” (vua: “hoàng đế”). Trong chữ Choang cổ, chúng tôi còn phát hiện ký hiệu “ ‘ ” ở chữ “兪” (phi⁶ “anh, chị”) có tác dụng nhấn mạnh đọc giả chú ý đến nghĩa của chữ.

3.2. Ký hiệu “乙”. Trong chữ Nôm, “乙” được dùng để thay thế cho những chữ có bộ thủ “雨” mở đầu đã được tinh lược. Ví dụ: “霽” (sương: “sương”) tinh lược của chữ “霽”; “雪” (tuyết: “tuyết”) tinh lược của “雪”; “雷” (lôi: “sét”) là tinh lược của chữ “雷”.

Trong chữ Choang cổ, “乙” diễn biến thành “乚”. Ví dụ: “霖” (mô:k⁷: “sương mù”): vốn tinh lược từ chữ “霖”. “霖” có cấu tạo chữ Hình thanh, trong đó hình phù “雨” biểu thị nghĩa của chữ có liên quan đến “雨” (mưa), thanh phù “木” biểu thị âm đọc của chữ gần giống với “木” (mộc). Sau khi tạo ra chữ “霖”, lại tinh lược hình phù “雨” thành “乚”, ra chữ “𩇛”. “𩇛” (ma:i⁶: “dựa sát”) viết bớt nét từ chữ “霖”. “霖” thuộc chữ Hình thanh, trong đó hình phù “雨” biểu thị nghĩa chữ có liên quan đến “雨” (mưa), thanh phù “枚” biểu thị âm đọc của chữ gần giống âm Hán Việt chữ “枚”(mai). Chữ Choang cổ mượn “霖” để ghi âm ma:i⁵ với nghĩa là “dựa sát”, sau đó tinh lược “雨” trong chữ “霖” thành “乚” ra chữ “𩇛”. Chữ “𩇛” (mai¹: “sợi” dây) tinh lược từ “霖、 “霖”, mà “霖” vốn được tinh lược từ chữ “霖”. “霖” là chữ Nôm, thuộc cấu tạo chữ Hình thanh, đọc là “mây”, nghĩa là “mây”. Hình phù “雨” biểu thị nghĩa chữ có liên quan đến “雨”, thanh phù 迷 biểu thị âm đọc của chữ gần giống với âm Hán Việt chữ “迷” (Mê). Chữ Choang cổ mượn chữ “霖” để ghi âm mai¹, nghĩa “sợi dây”, sau khi tinh lược bộ “乚” trong chữ “霖” ra chữ “霖”, rồi lại tinh lược 1 lần nữa bộ “雨” trong chữ “霖” thành “乚”, cuối cùng ra tự dạng “𩇛”. “𩇛” (ee¹: “phần tử con”): tinh lược từ chữ “𩇛”. Chữ Nôm “𩇛” thuộc cấu tạo chữ Hình thanh, đọc là che, nghĩa “che chòm, che đây, ngăn che”. Hình phù “雨” biểu thị nghĩa chữ có liên quan đến “雨”, thanh phù “支” biểu thị âm đọc của chữ gần giống với âm Hán Việt chữ “支”(chi). Chữ Choang cổ mượn dùng “𩇛” để ghi âm ee¹ với ý nghĩa “phần tử nhỏ”, sau đó tinh lược “雨” trong chữ “𩇛” thành “乚”, để ra chữ “𩇛”.

Ký hiệu “乚” trong chữ Choang cổ không chỉ dùng để biểu thị viết bớt nét cho bộ thủ “雨” mà nó còn biểu thị việc viết bớt nét cho bộ thủ khác, đây là một sự sáng tạo. Ví dụ: “𩇛” (xa:n²: “nhà, căn phòng”): vốn tinh lược của “𩇛”. “井”, “兰” đều tinh lược từ “蘭”, “兰” còn có một hình thức viết dị thể là “𩇛”, gần giống với “井”. “𩇛” chính là “𩇛”, tiếp tục diễn biến thành “𩇛”, sau đó bớt bộ “宀” của chữ “𩇛” tinh lược thành “乚”, cuối cùng viết ra chữ “𩇛”. “𩇛” (bin¹: “bay”): đây là một chữ Hình thanh, thanh phù “品” biểu thị âm đọc của chữ gần giống với âm Hán Việt chữ “品” (phẩm), “乚” rõ ràng viết tinh lược của thanh phù “飞”. “𩇛” (eau²: “phát” tài): chỉ nhìn mặt chữ này khó có thể phát hiện ra “乚” là viết bớt nét của bộ thủ nào. Nếu kết hợp với chữ Nôm để phân tích, chỉ nhìn đã biết ngay. Chữ “𩇛” với chữ Nôm “𩇛” (giàu: “giàu có”) có quan hệ

với nhau. Chữ Choang cổ mượn chữ “霸” (giàu: “giàu có”) để ghi âm cau² (với nghĩa “phát” tài), sau đó tinh lược “巨” trong chữ “霸” thành “𠂇” nên ra chữ “𠂇”.

Ký hiệu tạo chữ “𠂇” trong chữ Choang cổ còn có một cách viết dị thể khác thành “𠂇”. Ví dụ: “𠂇” (de:n⁴ “bớt trắng ở trán trâu, bò”), vốn viết tắt từ “電”; chữ “朝” (cau² “com tối”) đồng âm với chữ “𠂇” (cau² “phát” tài), đều được viết bớt nét từ chữ “霸” trong chữ Nôm.

3.3. “𠂇”. Ký hiệu “𠂇” trong chữ Nôm thường đặt ở góc bên phải, phía trên một chữ gốc Hán hoặc chữ Nôm, chủ yếu có mấy tác dụng sau: (1) Nhấn mạnh âm đọc. Ví dụ: “𠂇” (mặc: “mặc” quần áo), ký hiệu “𠂇” nhấn mạnh âm đọc của chữ là “𠂇” (mặc). (2) Nhấn mạnh mặt nghĩa của chữ. Ví dụ: “𠂇” (nhỏ: khạc “nhỏ”), ký hiệu “𠂇” nhấn mạnh ý nghĩa của chữ là “𠂇” (thổ: “nhỏ”). (3) Nhấn mạnh âm đọc và ý nghĩa của chữ. Ví dụ: “𠂇” (bút: “bút”), ký hiệu “𠂇” nhấn mạnh âm của chữ là “bút”, nghĩa của chữ cũng là “bút”.

Chịu ảnh hưởng của chữ Nôm, một bộ phận chữ Choang cổ cũng sử dụng ký hiệu tạo chữ “𠂇”. Ví dụ: nhấn mạnh âm đọc chữ “𠂇” (phin²: hoàn “thành”), ký hiệu “𠂇” có vai trò nhấn mạnh âm đọc của chữ là “𠂇” (bản); “𠂇” (ha:n⁶: “chợ”), ký hiệu “𠂇” nhấn mạnh âm đọc của chữ gần giống với âm “行” (hành: “đi”); “𠂇” (kha:i²: (đôi) giày), ký hiệu “𠂇” nhấn mạnh âm đọc của chữ gần giống với “开” (khai); “𠂇” (he:u⁶: “gậy”), ký hiệu “𠂇” nhấn mạnh âm đọc của chữ gần giống với “考” (khảo). Nhấn mạnh âm đọc và ý nghĩa của chữ “𠂇” (ci:n²: “giường”), ký hiệu “𠂇” nhắc đọc giả chú ý âm đọc của chữ gần giống với âm “床” (sàng), nghĩa của chữ cũng là “giường”; chữ “𠂇” (ci:n²: “tiền”), ký hiệu “𠂇” nhấn mạnh âm đọc của chữ là “𠂇” (còn viết thành “錢”: tiền), nghĩa chữ cũng là “錢” (tức chữ “錢”: tiền); chữ “𠂇” (haw³: “cho”), ký hiệu “𠂇” nhấn mạnh âm đọc “許” (hứa), nghĩa chữ cũng là “許” (“hứa có nghĩa là “dành cho”). Trong “*Tự điển chữ Choang cổ*” chưa tìm thấy ký hiệu “𠂇” dùng để nhấn mạnh nghĩa của chữ. Nhưng chúng tôi phát hiện trong sách cổ “*Tứ quý ca*” của dân tộc Choang vùng Kim Long, huyện Long Châu, Quảng Tây có cách dùng này. Ví dụ: chữ “𠂇” (hu¹: “cái tai”), trong đó ký hiệu “𠂇” nhấn mạnh nghĩa chữ “cái tai”; chữ “𠂇” (li²: “dài”) ký hiệu “𠂇” nhấn mạnh của nghĩa chữ là “dài”.

II. Con đường chữ Nôm ảnh hưởng đối với chữ Choang cổ

Từ những ví dụ nêu trên, chữ Choang cổ đã chịu ảnh hưởng từ chữ Nôm ở một mức độ nhất định, điều này không còn nghi ngờ gì nữa. Những chữ Choang cổ trong “*Tự điển chữ Choang cổ*” được trình bày trên đây đều có liên quan đến chữ Nôm, trừ số ít việc ghi chép các từ có trong phương ngữ hai miền Nam Bắc tiếng Choang và các từ có âm đọc gần giống nhau hoặc giống nhau (như “𠂇”, âm đọc haw³, nghĩa “cho”; “𠂇” âm đọc mai¹, nghĩa “sợi” dây; “𠂇” âm đọc ko:n⁵, nghĩa “trước”...), tuyệt đại đa số được chú thích là chữ phương ngữ. Như vậy, xét cho cùng đã sử dụng chữ của phương ngữ nào? Từ âm đọc của những chữ phương ngữ này chúng ta có thể tìm ra được một vài manh mối: (1) Những chữ phương ngữ trên đây có phụ âm đọc âm bật hơi. Ví dụ: “𠂇” (tho²: “chỉ, nhưng”), “𠂇” (thu³: “đũa”), “𠂇” (kha:i³: “con gái”), “𠂇” (khi:n²:

“guơng”), “𠵹” (the:t⁸: tì “tạng”), “𠵹” (phi⁶: “anh, chị”), “𠵹” (phin²: “đúng, phải”) “𠵹” (kha:i² “giày”). Phụ âm bật hơi là đặc điểm nổi bật của phương ngữ tiếng Choang phía Nam, từ đó có thể đoán rằng, chữ có phụ âm bật hơi đều là chữ sử dụng phương ngữ tiếng Choang phía Nam. (2) Trong những chữ phương ngữ này, có chữ ghi chép từ của phương ngữ phía Nam. Ví dụ: “𠵹” (ha:ŋ⁶: “chợ”), so sánh âm ha:ŋ⁵ của vùng Long Châu, Tĩnh Tây, âm ha:ŋ⁶ vùng Đức Bảo (phương ngữ phía Bắc thường phát âm thành haw¹); “𠵹” (he:u⁶: “gày”), so sánh âm he:u⁵ vùng Sùng Tả, Ninh Minh, Long Châu, Đại Tân, Tĩnh Tây, âm he:u⁶ vùng Đức Bảo (phương ngữ phía Bắc thường phát âm thành pjo:m¹ hoặc ro²); “𠵹” (tum¹ “bùn đất”), so sánh âm tum¹ vùng Long Châu, Khâm Châu, Phù Tuy, âm tam¹ vùng Ung Nam, Tĩnh Tây, âm tom¹ vùng Long An, Thượng Tư, âm təm¹ vùng Sùng Tả, âm twm¹ vùng Ninh Minh, âm tum¹ vùng Đại Tân (phương ngữ phía Bắc thường phát âm na:m⁶).

Có thể thấy, những chữ Choang cổ có liên quan đến chữ Nôm, tuyệt đại đa số các chữ được dùng trong phương ngữ phía Nam. Ở Quảng Tây, 3 vùng phân bố thổ ngữ phương ngữ phía Nam của tiếng Choang gồm Tả Giang, Đức Tĩnh, Ung Nam đều tiếp giáp với Việt Nam. Căn cứ đặc điểm phân bố dân tộc của khu vực biên giới hai nước, chúng tôi cho rằng, ảnh hưởng của chữ Nôm đối với chữ Choang cổ thông qua môi trường trung gian từ chữ Tày, Nùng cổ. Vùng giáp ranh biên giới Việt Nam - Quảng Tây bên lãnh thổ Trung Quốc, dân tộc Choang nói phương ngữ tiếng Choang phía Nam sinh sống, bên lãnh thổ Việt Nam dân tộc Tày, Nùng sinh sống. Dân tộc Tày, Nùng Việt Nam với dân tộc Choang Trung Quốc có cùng nguồn gốc. Do ngôn ngữ thông nhau, tập tục giống nhau, ngày nay dân tộc Choang với dân tộc Tày, Nùng vùng giáp ranh biên giới Việt Nam - Quảng Tây vẫn có quan hệ mật thiết, kết hôn với nhau, thường xuyên trao đổi, buôn bán, ảnh hưởng qua lại trên góc độ văn hóa là điều tự nhiên. Dân tộc Tày, Nùng Việt Nam giống dân tộc Choang Trung Quốc ở chỗ, đều chịu ảnh hưởng sâu sắc văn hóa Hán, trên phương diện ngôn ngữ, các dân tộc Choang, Tày, Nùng không chỉ vay mượn một số lượng lớn từ ngữ của tiếng Hán, mà trên cơ sở nền tảng của chữ Hán họ còn sáng tạo ra chữ viết riêng cho dân tộc mình - chữ Choang cổ, chữ Tày cổ, chữ Nùng cổ⁽¹⁾. Ở Việt Nam, dân tộc Việt (còn gọi dân tộc Kinh) là dân tộc chủ thể, trong lịch sử từng chịu ảnh hưởng sâu sắc văn hóa Hán, và trong lịch sử cũng từng sáng tạo chữ viết riêng cho dân tộc mình trên cơ sở nền tảng chữ Hán - đó là chữ Nôm. Chữ Nôm, chữ Choang cổ, chữ Tày cổ, chữ Nùng cổ đều thuộc loại văn tự Hán, đây chính là điều kiện các bên sáng tạo, vay mượn lẫn nhau từ loại văn tự trung gian này.

Chữ Nôm là văn tự của dân tộc Việt, trong lịch sử từng có 2 lần⁽²⁾ được đưa lên địa vị văn tự chính thống, chữ Tày cổ, chữ Nùng cổ chịu ảnh hưởng từ chữ Nôm Việt trong bối cảnh đó. Chữ Tày cổ, chữ Nùng cổ sau khi tiếp nhận từ chữ Nôm, dân tộc Choang sinh sống bên dải biên giới Quảng Tây - Việt Nam một lần nữa mượn lại bộ phận chữ Nôm trong chữ Tày cổ, chữ Nùng cổ. Đây chính là nguyên nhân hình thành một số lượng chữ Nôm Việt trong chữ Choang cổ. Những chữ Choang cổ có liên quan đến chữ Nôm phần nhiều đều có thể thấy trong chữ Tày, Nùng cổ. Ví

¹ Giới học giả Việt Nam phân ra chữ Nôm Tày, chữ Nôm Nùng, tiếng Hán dịch thành “岱喃字”, “侬喃字”. Hai loại chữ cổ này tương đối giống nhau, thực tế cùng một loại văn tự.

² Lần thứ nhất vào thế kỷ XV, dưới thời chính quyền nhà Hồ của Việt Nam (năm 1400 – năm 1407), lần thứ 2 vào thế kỷ XVIII, thời kỳ Tây Sơn của Việt Nam (năm 1778 – năm 1802).

dụ: (Công thức “chữ Choang cổ <chữ Tày, Nùng cổ < chữ Nôm”): 襤 (lai⁴: “vái, lạy”) <襤 (lai⁴: “vái, lạy”) <襤 (lạy: “vái, lạy”); 啗 (te:η⁴: “tên”) <啗 (ti:η³ “âm thanh”) <啗 (tiêng: “âm thanh”); 𪗇 (no:n²: “ngủ”) <𪗇 (no:n²: “ngủ”) <𪗇 (non: “núi”).

Chữ Nôm trở thành một đại diện điển hình của loại văn tự Hán, trong lịch sử nó đã từng ảnh hưởng đối với những loại văn tự Hán khác của môi trường xung quanh nó? mức độ ảnh hưởng đến đâu? Vì sao có sự ảnh hưởng? Những vấn đề này cần phải đợi tiếp tục đi sâu nghiên cứu ở các công trình tiếp theo. Bài viết này chỉ nêu ra chứng cứ hiện thực trên đây của chữ Choang cổ có ảnh hưởng từ chữ Nôm, nhằm gây sự quan tâm, chú ý của giới học giả về việc nghiên cứu so sánh đối với loại hình văn tự Hán trung gian.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nhóm chỉ đạo chính lý thư tịch cổ Dân tộc thiểu số khu Tự trị Dân tộc Choang Quảng Tây chủ biên (1989), *Tự điển chữ Choang cổ*, Nxb Dân tộc Quảng Tây.
2. Lý Lạc Nghị (1987), “Nghiên cứu so sánh chữ Choang vuông với chữ Nôm”, *Tạp chí Ngữ văn Dân tộc*, số 4.
3. La Trường Sơn (1992), “Nghiên cứu so sánh chữ Choang vuông với chữ Nôm”, *Tạp chí Dục ngang Đông Nam Á*, số 3.
4. Đàm Hiểu Hàng (2010), *Nghiên cứu chữ Choang vuông*, Nxb Dân tộc.
5. Vương Phong (2003), *Từ chữ Hán đến hệ thống văn tự chữ Hán – nghiên cứu nội văn tự của chữ Hán*, Nxb Dân tộc.
6. Vương Lực (1980), *Nghiên cứu từ Hán Việt*, trong bộ *Long trùng tịnh điều trai văn tập*, quyển 2, Trung Hoa thư cục.
7. Trương Quân Như, Lương Mẫn (1999), *Nghiên cứu phương ngữ tiếng Choang*, Nxb Tứ Xuyên.
8. Hoàng Triều Ân - chủ biên (2003), *Tự điển chữ Nôm Tày*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Nguyễn Quang Hồng (2008), *Khái luận văn tự học chữ Nôm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
10. Nguyễn Văn Huyền (1941), *Tổng hợp danh mục các điệu hát trong lễ cưới của dân tộc Tày, Nùng ở Lạng Sơn, Cao Bằng*, Viện Viễn Đông Bác cổ.
11. Trương Đình Tín (2003), *Bảng phiên âm Nôm Việt*, Nxb Thuận Hóa.

Nguyên văn bài viết có tiêu đề “喃字对古壮字的影响”, được download từ địa chỉ : <http://mall.cnki.net/magazine/Article/MZYW201101006.htm>. Bài viết đề cập đến nhiều lĩnh vực khoa học như Ngôn ngữ học, Văn tự học, Âm vận học của một số dân tộc thiểu số Trung Quốc (Choang) và Việt Nam (Tày, Nùng), nhiều ký tự đặc biệt không có trong font chữ Hán và chữ Nôm, điều này gây không ít khó khăn đối với người dịch. Mặc dù đã được một số bạn bè chỉ bảo, chỉnh sửa giúp nhưng chắc chắn không thể không còn những chỗ sai sót, thiếu khuyết.